

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 01/4/2019

V/v “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm Nhân dân:

1. Ông Dương Văn Đến
2. Bà Nguyễn Thị Bích Vân

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huê – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh: Ông Võ Trung Dương – Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 4 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án N dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 519/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2018 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2018/QĐ-ST ngày 14 tháng 03 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Thạch Thị N, sinh năm 1983 (có mặt);

Địa chỉ: ấp Bàu Sơn, xã Đa Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Kim N, sinh năm 1979 (vắng mặt);

HKTT: ấp Thanh Trì, xã Đa Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Chỗ ở hiện nay: ấp Bàu Sơn, xã Đa Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Con chung của chị N và anh N: Kim Thị Như Y, sinh năm 2003 (vắng mặt); Địa chỉ: ấp Bàu Sơn, xã Đa Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày tại phiên tòa hôm nay của chị Thạch Thị N như sau:** Chị N và anh N chung sống vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại

UBND xã Đa Lộc. Quá trình chung sống có 02 con chung tên Kim Thị Như Y, sinh năm 2003; Kim Thị Như Y, sinh năm 2017. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn: do anh Kim N thường xuyên uống rượu, đánh đập và dùng những lời lẽ xúc phạm chị N, ở chung không được nên chị N quyết định xin ly hôn. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn thương anh N nữa nên yêu cầu Tòa giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Chị N yêu cầu được ly hôn với anh Kim N.

Về con chung: Chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con Kim Thị Như Y, sinh năm 2003; Kim Thị Như Y, sinh năm 2017. Không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về phía anh Kim N có tự khai: Anh thống nhất thời điểm kết hôn thời gian chung sống, con chung. Tài sản chung, nợ chung: không có. Nay chị N yêu cầu ly hôn anh không đồng ý vì còn thương vợ con. Anh sẽ sửa đổi không chửi bới chị N nữa.

Tại phiên tòa hôm nay anh Kim N vắng mặt không rõ lý do

Cháu Kim Thị Như Y có tự khai: Ba và mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống với mẹ. Do bận đi làm xa nên cháu không tham gia phiên tòa mà yêu cầu Tòa giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã nhận định:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Những vấn đề khác Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án hôn nhân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Thạch Thị N cho chị được ly hôn với anh Kim N; Về con chung chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị N; Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, về nợ chung: đương sự không đặt ra nên không xem xét giải quyết. Về án phí buộc chị N nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, anh Kim N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để hòa giải và xét xử nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự đủ căn cứ xét xử vắng mặt anh Kim N.

[2] Về hôn nhân: Chị N và anh N chung sống với nhau vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đa Lộc nên hôn nhân của anh, chị được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa hôm nay chị N vẫn giữ quan điểm xin ly hôn. Anh N có tự khai không đồng ý ly hôn vì còn thương chị N và hứa sẽ sửa đổi. Xét thấy: Quá trình chung sống chị N và anh N thường xảy ra cự cãi do anh N uống rượu về là chưởi bới gây mâu thuẫn trầm trọng nên đã ly thân nhau từ năm 2017 và chị N có làm đơn gửi Tòa án xin ly hôn anh N. Qua động viên hòa giải của Tòa án chị N đồng ý rút đơn cho anh N cơ hội sửa đổi để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên Tòa án N dân huyện Châu Thành đã đình chỉ giải quyết vụ án vào ngày 11/8/2017. Nhưng đến nay vẫn không cải thiện được cho thấy mục đích hôn N của chị N và anh N không đạt được chung sống cũng không hạnh phúc nên hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N cho chị được ly hôn với anh Kim N là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con, cháu Y cũng có nguyện vọng sống với chị N, cháu Y mới 2 tuổi còn quá nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ. Từ khi ly thân đến nay chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng con, cũng đảm bảo cuộc sống và sự phát triển bình thường của con nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được tiếp tục nuôi con của chị N cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Y.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Buộc các đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28; 35; 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Thạch Thị N cho chị được ly hôn với anh Kim N.

- Về con chung: Chị N được quyền tiếp tục nuôi con tên Kim Thị Như Y sinh năm 2003; Kim Thị Như Y, sinh năm 2017.

Sau khi ly hôn anh Kim N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu giải quyết nên hội đồng xét án không xem xét.

- Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Buộc chị N phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền này được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000416 ngày 03/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành; chị N không phải nộp nữa.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự

****Nơi nhận:****

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS huyện Châu Thành
- CC Thi hành án dân sự huyện Châu Thành;
- Đương sự
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thu Hằng

**TOÀ ÁN N DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi.... giờ.....phút, ngày 01 tháng 4 năm 2019

Tại: Trụ sở Tòa án N dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hằng.

Hội thẩm N dân: Ông Dương Văn Đến và bà Nguyễn Thị Bích Vân.

Tiến hành nghị án vụ án hôn N thụ lý số: 519/2018/TLST-DS, ngày 10 tháng 12 năm 2018, về việc “*Xin ly hôn, nuôi con chung*” giữa:

Nguyên đơn: Thạch Thị N, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ : ấp Bàu Sơn, xã Đa Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

Bị đơn: Kim N, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Thanh Trì, xã Đa Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

Con chung của chị N và anh N: Kim Như Y sinh năm 2003 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Bàu Sơn, xã Đa Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

Về quan hệ pháp luật: Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3 xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con chung”

Về điều luật áp dụng: Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3: Áp dụng các Điều 28; 35; 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng các Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn N và gia đình; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về tố tụng: Tòa án đã thông báo thụ lý, triệu tập hòa giải, xét xử anh Kim N nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Hội đồng thống nhất biểu quyết 3/3

Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự đủ căn cứ xét xử vắng mặt anh Kim N

Xét về yêu cầu khởi kiện. Hội đồng thảo luận và có Y kiến: Chị N chung sống với anh N có đăng ký kết hôn. Nguyên N phát sinh mâu thuẫn là do anh Kim N uống rượu đánh đập vợ con, ly thân từ năm 2017, chị N ly hôn và rút đơn cho cơ h65i nhưng không sửa đổi. Con chung: có hai con cháu Y có nguyện vọng sống với mẹ phải theo nguyện vọng của cháu, cháu Y còn nhỏ phải được sự chăm sóc của mẹ già lại từ khi ly thân chị N nuôi con đảm bảo tốt; Về cấp dưỡng nuôi con: chị N thấy có khả năng không yêu cầu nên hội đồng không xem xét; Tài sản chung, nợ chung: các đương sự không đặt ra nên không xem xét.

Qua các Y kiến thảo luận Hội đồng thống nhất biểu quyết 3/3: Chấp nhận yêu cầu của chị Thạch Thị N cho chị được ly hôn với anh Kim N. Chị N được quyền nuôi con Y và Y

Sau khi ly hôn anh N có quyền, tới lui thăm con. Phía chị N cũng như gia đình không được ngăn cản

- Về cấp dưỡng nuôi con, Về tài sản chung, Về nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Các vấn đề khác hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3:

Về án phí hôn N sơ thẩm: hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3: Chị Thạch Thị N phải nộp theo quy định pháp luật

Các vấn đề khác hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3:

- Quan điểm của viện kiểm sát phù hợp nhận định của hội đồng xét xử nên chấp nhận

- Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt chống án kể từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 01 tháng 4 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Văn Đến. Nguyễn Thị Bích Vân

Đỗ Thị Thu Hằng